

Số: 06/QĐ-NBK

Gia Nghĩa, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2026
của Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm**

Căn cứ Luật ngân sách số 89/2025/QH15, ngày 25/06/2025 của Quốc hội về Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán Ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP, ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế tự chủ tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 717/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Nam Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận, cá nhân khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND phường;
- Bộ phận KT;
- Lưu : VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hà Thị Hào

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm
Chương: 822

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-NBK ngày 11/11/2025 của trường THCS Nguyễn Bình Khiêm)



Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Học phí	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.724.288.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.724.288.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.616.186.000
	- Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	14.968.054.000
	- Chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập	1.648.132.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	1.333.515.000
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025	13.500.000
	Kinh phí theo quy định 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban bí thư	44.928.000

	Kinh phí theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012	65.520.000
	Kinh phí theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 01/6/2012	57.567.000
	Kinh phí hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022	1.152.000.000
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 18)	774.587.000
	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	774.587.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	